

Bản án số: 237/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dừa

Ông Nguyễn Văn Lương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Đặng Thị Thu T** - SN 1984 (Có mặt)

HKTT+nơi cư trú: số nhà 19, ngõ 44 phố H, phường Ô, TP Hà Nội (địa chỉ cũ: số nhà 19, ngõ 44 phố H, phường Ô, quận Đ, TP Hà Nội)

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Hoài N** - SN 1981 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT (cũ): tổ 30, phường T, quận H, TP Hà Nội

Nơi cư trú: số 17, ngõ 143/146 phố N, phường H, TP Hà Nội (địa chỉ cũ: số 17, ngõ 143/146 phố N, phường T, quận H, Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/12/2024 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoài N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2013 tại UBND phường T, quận H, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ở tại số nhà 19, ngõ 44 phố H, phường Ô, TP Hà Nội một thời gian, đến năm 2018 thì chuyển về ở chung với mẹ đẻ anh N tại số 17, ngõ 143/146 phố N, phường H, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không có hạnh phúc. Tháng 9/2024 chị chuyển đến sống tại số nhà 19, ngõ 44 phố H, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, chị xin được ly hôn anh N và không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 02/11/2013, hiện nay đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị bán hàng online, có thu nhập ổn định, có chỗ ở sau ly hôn và có đủ điều kiện để nuôi con chung mà không cần trợ cấp từ anh Nam.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị không tranh chấp gì về tài sản chung vợ chồng, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 21/8/2025, bị đơn là anh Nguyễn Hoài N trình bày:

Anh đã nhận được các thông báo của Tòa án về việc chị T làm đơn xin ly hôn, nhưng anh không đồng ý ly hôn. Anh N xin vắng mặt và không đến tham gia phiên tòa chiều ngày 26/8/2025 vì anh có lịch công tác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Chị không đồng ý đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không hàn gắn được. Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung như chị đã trình bày ở trên, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Kể từ khi ly thân đến nay, hàng tháng anh N vẫn chuyển khoản cho chị 5.000.000 đồng để nuôi con. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nhà đất tại địa chỉ chị đang ở trên là tài sản chị đã được cấp giấy chứng nhận và hiện chị đang quản lý sử dụng.

Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bận công tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội có quan điểm: Tòa án nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đăng

Thị Thu T với anh Nguyễn Hoài N. Về con chung: xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 02/11/2013. Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Đặng Thị Thu T và anh Nguyễn Hoài N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/4/2013 tại UBND phường T, quận H, TP Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì sống ly thân do phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng anh N không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết vụ án. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải, không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Về phía chị T cương quyết xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thu T đối với anh Nguyễn Hoài N.

[2] Về con chung: chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 02/11/2013, hiện nay đang sống cùng chị. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không đồng ý ly hôn và không có quan điểm gì về vấn đề con chung nếu vợ chồng ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu K muốn ở với mẹ sau ly hôn, bản thân chị T tự nguyện xin được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, chị đã có chỗ ở cho hai mẹ con sau ly hôn. Do vậy, để đảm bảo lợi ích chính đáng của con chung nên căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 02/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Nếu sau này các bên

có yêu cầu hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con thì giành quyền khởi kiện cho các bên bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Tòa án nhiều lần giao nhận hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N tại nơi cư trú và tại cơ quan anh N công tác. Tuy nhiên anh N không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Anh N xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh N là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 5 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của TAND các cấp

- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hoài N

2. Về con chung: xác nhận chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 02/11/2013. Giao con chung là cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục sau khi ly hôn. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số A0034846 ngày 10/4/2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội (nay là Cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Nội). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND Khu vực 3- TP Hà Nội
- Cơ quan THA dân sự TP Hà Nội
- UBND phường H, Hà Nội
(số 65/2013, Quyển số 01/2013
ngày 05/4/2012 tại UBND phường
T, quận H cũ, HN)
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mai Thu

